

NGUYỄN DU

# CHIÊU HỒN THẬP LOẠI CHUNG SINH

Tựa của T.T. THÍCH TÂM CHÂU



ĐỀ NHỊ BÁCH CHU NIÊN (1765 - 1965)

**NGUYỄN DU**

ĐÀM QUANG THIÊN hiệu chủ



**NGUYỄN DU**

**CHIÊU HỒN**  
**THẬP LOẠI CHÚNG-SINH**

**T.T. THÍCH TÂM-CHÂU**  
dồ tựa

**ĐÀM-QUANG THIỆN**  
hiệu chú

**NAM-CHI TÙNG-THƯ**  
1965



## TỰA

*Nhìn sâu vào thực-cảnh thế-gian, không ai không nhận-thức được thế-gian là vô-thường; đau khổ nhiều hơn vui sướng.*

*Qua sự thực-nghiệm của kiếp sống, với cõi lòng bi-cảm của con người lý-tưởng, Tô-Như-Tiến-sinh đã dệt nên những vần thơ dân-tộc, nói lên nỗi niềm thương xót trong sự cầu mong và thức tỉnh.*

*Làm sáng tỏ những nét vi-diệu của người xưa, giúp thêm sự hiểu thấu cho người sau, ông Đàm-quang-Thiện đã đem khả-năng của mình hiệu-chá tập văn này.*

Dù sáng-tạo, hiệu-chú, tùy-hỷ hay  
nghiên-cứu đều cảm-thông nỗi đáng thương  
của con người trong vòng sinh hóa, hóa sinh,  
do chính nghiệp-lực con người dặt-dẫn; trao  
lại cho con người một món ăn tinh-thần, biết  
rõ nhân-quả, khơi mở tâm từ-bi, giác-ngộ,  
đem con người ra khỏi vòng luân-hồi và nhất  
là, chung góp phần xây-dựng phong-phú vào  
công-nghiệp văn-hóa dân-tộc.

Tôi ghi đây vài lời tán-niệm hòa vui  
cùng sự mong ước của hiệu-chú-giá.

Sài-thành, Quý-Thu năm Ất-Tỵ (1965)

THÍCH TÂM-CHÂU



**CHIÊU HỒN  
THẬP LOẠI CHÚNG-SINH**



*Nhan-đế* bài thơ này, có nơi là « *Chiêu hồn* » ; có nơi là « *Vấn ử thập loại chúng-sinh* » ; chúng tôi ghép hai nhan-đế với nhau, để nhan-đế có đầy-đủ ý-nghĩa của mỗi nhan-đế riêng-biệt : « *Chiêu-hồn Thập Loại Chúng-Sinh* » ; chúng tôi lại viết « *Thập Loại Chúng-Sinh* » bằng chữ hoa, vì danh-từ này đã thành như danh-từ riêng để trở toàn-thể những người « *bất-đắc-kỳ-tử* » mà không được ai thờ cúng.

*Chiêu 招* : lẩy tay vẫy mà vờ lại ; *hồn 魂*, phần tinh-thần, vô-hình của con người ; gọi hồn về.



Theo quan-niệm của Trung-Hoa và Việt-Nam từ xưa, thì người ta gồm có 3 phần : *thân*, *phách*, và *hồn*.

*Thân 身* hay thân-thể 身體 là phần vật-chất, hữu-hình, bằng thịt, xương, máu, huyết, v.v... ; khi người ta chết, thì phần này thối-nát ra mà trở về với đất-cát.

*Phách 魄*, tiếng nôm là *vía*, là phần vô-hình, do *thân-thể biểu-hiện* ra, nên khi thân-thể chết, thì phách cũng không còn nữa. Theo Đạo-giáo, thì người ta có 7 phách, là Thi-cửu, Phục-thí, Tước-âm, Thôn-tặc, Phi-độc, Trừ-uế, và Xú-phế ; 7 phách còn được gọi là 7 *trọc-quý*, tức là thứ hồn độc, hạ-cấp, khác với linh-hồn, trong và cao hơn.

*Hồn 魂* hay linh-hồn 靈魂 là phần tinh-thần, vô-hình, chỉ nhập vào thân-thể mà thôi, chứ không

phải là biểu-hiện của thân-thể, nên khi thân-thể chết đi, thì linh-hồn lại xuất ra, mà tiếp-tục tồn-tại trong thế-giới vô-hình.

Theo sách « Văn cữu thất thiên », thì người ta có 3 hồn, là Thai-quang, tức khí dương-hòa cực trong, Sáng-linh, tức âm-khí biển, và U-tinh, tức âm-khí tạp.

Theo một thuyết của Phật-giáo, thì Thực-vật chỉ có Sinh-hồn, Động-vật có Sinh-hồn và Giác-hồn, Người ta có Sinh-hồn, Giác-hồn và Linh-hồn.

Vấn theo quan-niệm cổ-truyền của Tàu và Ta, thì đần-bà vật-chất hơn đần-ông, vì có thêm 2 phách, vía, hay trục-quý nữa, là biểu-hiện của cơ-quan thụ-thai và kinh-nguyệt. Do đó, mà người ta nói « ba hồn bảy vía », nếu là đần-ông ; và « hạ hồn chín vía », nếu là đần-bà.

Dựa vào Khoa-học Tây-phương, ta có thể cho *thân-thể* là các *cơ-quan* : mắt, tai, mũi, lưỡi, da, não, thần-kinh ; *phách* hay *vía* là chức-vụ của các cơ-quan ấy : thị-giác, thính-giác, vị-giác, vị-giác, xúc-giác, tri-giác, tri-thức, nói tóm lại là *cảm-tri-thức*. Còn linh-hồn là *sinh-thần bất-diệt*

Cũng có người cho rằng *phách* tương-ứng với các cửa của thân-thể mở ra ngoại-giới, khiến nội-thân thông được với ngoại-giới. Đần ông có 7 phách tương-ứng với 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, lỗ miệng, lỗ đại-tiền, lỗ tiểu-tiền. Đần-bà có thêm 2 phách nữa tương-ứng với Âm-đạo và tử-cung đạo.

Theo một tin-nguờng của Tàu và Ta xưa, bắt nguồn từ Phật-giáo, thì :

Thác là thê-phách, còn là tinh-anh,  
(Kiều, 116)

khi người ta chết, thì chỉ có thân chết và phách mất thật mà thôi, còn linh-hồn vẫn sống ; nếu là người tốt, đạo-đức, thì linh-hồn lại được đầu-thai, thành người khác, với một cuộc đời hạnh-phước hơn ; nếu là người xấu, độc-ác, thì linh-hồn có thể cũng được đầu-thai, thành người khác, với một cuộc đời khổ-số hơn ; nếu là người xấu quá, thì linh-hồn phải đầu-thai làm súc-vật, như trâu, ngựa, chẳng hạn. Ấy là nói những người được chết ở nhà, có con-cháu thờ cúng. Còn những người chết « hất-đặc-kỳ-tử », chết dưới bờ, dưới sông, chết bệnh nơi rừng thiêng nước độc, chết không ai chôn-cất, không ai thờ-cúng, thì linh-hồn thành ma-quỷ, ma đói quý khát, chẳng bao giờ được đầu-thai lên làm người hoặc làm súc-vật oá. Những linh-hồn ấy, đại-đau-số phải sống dưới địa-ngục, như người trần-thế phải sống trong đê-lao vậy ; chỉ trừ một thiểu-số làm ma đói quý khát, sống luân-quần gần nơi đủ thóc, phải rình cướp miếng ăn ở những nơi có thờ cúng, như bọn hành-khất, bọn đầu trộm đuôi cướp, sống trên trần-thế vậy.

May thay, một năm có một ngày, tất cả những linh-hồn ấy được thả ra khỏi các ngục, linh-hồn thoát ngục, cũng như ma đói quý khát, được tự-do đi lại : đó là ngày 15 tháng 7 âm-lịch, ngày « vong nhân xá

tội » : dưới âm-phủ, tội những kẻ ấy được quên đi, được tạm tha, để họ được hoàn-toàn tự-do một ngày một đêm. Người trần-thế mới, nhân ngày ấy, lập đàn, rước sư, rước thầy, làm lễ giải oan cứu khổ cho họ, tụng kinh cầu Phật phứ-hộ cho họ thoát khỏi vịnh-viền cảnh khổ, hoặc được hóa-sinh, đưu-thai lên làm người hoặc sinh-vật, hoặc được lên sống nơi Cự-lạc.

Lễ ấy thường được gọi là lễ *Trung-nguyên*, hoặc lễ *Vong nhân xá tội*, đạo Phật gọi là lễ *Vu-lan-bồn*, phiên-âm tiếng phạn *ullambhana*, nghĩa là giải-thoát.

*Thập* 十 : mười đơn-vị ; mười loài trong kiếp luân-hồi, gồm đủ cả : người, cầm, thú, côn-trùng, v.v...  
*loại* 類 : giống ; tất cả các sinh-vật, có sống có chết, từ hoa cỏ, qua súc-vật đến người ta ; *Chúng* 衆 : tất cả ; *sinh* 生 : sống ; tất cả các sinh-vật, như vừa nói ở trên.

Tuy-nhiên, trong bài này, tác-giả giới-hạn trong *chúng-sinh của nhân-loại* mà thôi.



## CHIỀU HỒN THẬP LOẠI CHỪNG SINH



Tiết tháng Bảy, mưa dầm sùi-sụt,  
Tốt hơi may, lạt buốt sương khô !  
Nẻo người thay buổi chiều thu !

- 4 Hoa lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.  
Đường bạch-dương, bóng chiều man-mác,  
Dặm đường-lê, lác-đác sương sa.  
Lòng nào lòng chẳng thiết-tha,  
8 Cối dương còn thối, nửa là cối âm !

#

- Trong trường-dạ, trời-tâm trời-đất,  
Cỏ-hồn thường phảng-phất u-minh.  
Thương thay Thập Loại Chùng-Sinh !  
12 Hồn đơn phách chiếc linh-đỉnh què người !  
Hương-lửa để không nơi nương-tựa,  
Hồn mỡ-côi lẩn-lữa bấy niên !  
Còn chi ai khá ai hàn,  
16 Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu !

#

Tiết đầu thu, lập đàn giải-thoát,  
Nước tỉnh-đàn, rải hạt dương-chí.  
Muôn nhờ Đức Phật Từ-Bì,  
20 Giải oan cứu khổ, độ về Tây-Phương.

✽

Cũng có kẻ tính đường kiêu-hãnh,  
Chỉ những lăm cắt gánh non-sông.  
Nói chỉ những buổi tranh hùng,  
24 Tưởng khi thẽ khuất vụn cùng mà đau !  
Bỗng phứt đầu mái sa ngói lở,  
Khôn đem mình làm đĩa thất-phu !  
Cả giàu sang, nặng oán thù,  
28 Máu tươi lai-láng, xương khô rụng-rời !  
Đoàn vô-tự lạc-loài nheo-nhóc,  
Quý không đâu đứng khóc đêm mưa !  
Cho hay thành bại là cơ,  
32 Mà u-hồn biết bao giờ cho tan !

#

Cũng có kẻ màn lan trướng huệ,  
Những cậy mình cung quẽ phòng hoa.  
Một phen thay đổi sơn hà,  
36 Mạnh thân chiếc lá biết là làm sao ?

- Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,  
Phận đã đành trăm gậy binh rơi !  
    Khi sao đông-đáo vui-caròl,  
40 Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương ?  
    Đau-dớn nhẽ không hương không khói !  
    Hồn ngàn-ngỡ dòng suối ngàn sim !  
    Thương thay chân yếu tay mềm !  
44 Càng năm càng héo, một đêm một dài !

‡

- Kìa những kẻ lân-đài phụng-các,  
Ngọn bút son sống thóc ở tay.  
    Kinh-luân gồm một túi đầy,  
48 Đã đem Quán, Nhạc, lại ngày Y, Chu.  
    Thịnh-mãn lắm, oán-thù càng lắm,  
    Trăm loài ma, mở-năm chung-quanh !  
    Nghĩa vàng khôn đời được mình,  
52 Lân-đài phụng-các tan-tành còn đâu ?  
    Kẻ thân-thích vắng sau vắng trước,  
    Biết lấy ai bắt nước nén nhang ?  
    Cô-hồn thất-thừa dọc ngang,  
56 Nặng oan khôn lẽ tìm đảng hóa-sinh !

‡

- Kia những kẻ bài binh bố trận,  
Đòi mình vào lấy ân nguyên-nhưng.  
Gió mưa sấm sét ùng-ùng,  
60 Dãi thây trên họ làm ông mặt người!  
Khi thất-thổ, tàn rơi đụn lạc,  
Bãi sa-trường, thết nát máu trời!  
Mãnh-mông góc bể bán trời,  
64 Năm sương vô-chủ biết rơi chốn nào?  
Khi sấm-sấm, mưa gào gió thét,  
Khi âm-huyền mờ-mịt trước sau,  
Ngàn cây nội cỏ rầu-rầu,  
68 Nào đâu điếu-tử, nào đâu chuang-thương?

#

- Cũng có kẻ tính đường tri-phá,  
Mình làm mình nhện ngã quên ăn.  
Ruột-rẻ không kẻ chí-thần,  
72 Dâu làm nên, để dành phần cho ai?  
Khi năm sống, không người nhều-nhều,  
Của phù-vân, dù có như không.  
Sống thì tiền chầy bạc ròng,  
76 Thóc không đem được một đồng nào đi!  
Khóc ma muốn, thương gì hàng xóm?  
Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đi!

Ngũn-ngơ nội độc đồng chiêm,  
80 Tuần hương giọt nước, biết tìm vào đâu?

#

Cũng có kẻ rập cầu chữ « Quý ».  
Đến mình vào thành thị lẩn la.  
Mấy thu là cửa là nhà,  
84 Văn-chương để chắc đầu mà trí-thần ?  
Dọc hàng quán, phải tuần mựa nắng,  
Vợ con nào nuôi nấng khem kiêng ?  
Vội-vàng liệm sắp chôn nghiêng,  
88 Anh em thiên-hạ, láng-giềng người chung !  
Bóng phần-tử xa chường thân-tộc,  
Bãi tha-ma, kẻ dọc người ngang,  
Cố-hồn nhờ gửi tha-phương,  
92 Giỏ-trắng hiu-hắt, lừa-hương lạnh-lùng !

#

Cũng có kẻ vào sông ra bể,  
Cánh buồm mây chày xẻ gió đông.  
Gặp cơn giông-tổ giữa dòng.  
96 Đem thân chôn giấp vào lòng kinh-nghe !

#

Cũng có kẻ đi về buôn bán,  
Đòn gánh tre chín đạn hai vai !  
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,  
100 Hồn đường phách sẽ lạc-loài nơi nào ?

#

Cũng có kẻ mắc vào khóa linh,  
Bỏ cửa nhà, gông-ghình việc quan.  
Nước khe cơm vắt gian-nan,  
104 Dãi-dầu nghìn dặm, lăm-than một đời !  
Buổi chiến-trận, mạng người như rác,  
Phận đã đành đạn lạc tán rơi !  
Lập-lòe ngọn lửa ma-trơi,  
108 Tiếng oan văng-vẳng tới trời càng thương !

#

Cũng có kẻ lữ-làng một kiếp,  
Liều tuổi xanh, buôn nguyệt bán hoa !  
Ngần-ngờ khi trở về già,  
112 Ai chớng con tá ? biết là cậy ai ?  
Sống để chịu một đời phiền-não,  
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa !

*Đau-đớn thay phận dân-bà !*  
116 *Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu ?*

#

*Cũng có kẻ năm cầu gối đất,*  
*Đôi tháng ngày, hành-khất ngược-suôi !*  
*Thương thay cũng một kiếp người !*  
120 *Sống nhờ hàng xóm, chết vì đường quan !*

#

*Cũng có kẻ mắc đoàn tì rạc,*  
*Gửi mình vào chiếu xác một manh !*  
*Nằm xương chôn giấp góc thành,*  
124 *Kiếp nào cõng được oan-tình ấy đi ?*

#

*Kìa những kẻ tiều-nhi tâm bé,*  
*Lỗi giờ sinh, lìa mẹ lìa cha !*  
*Lấy ai bồng-bể xót-xa,*  
126 *U-ơ tiếng khóc, thiết-tha nổi lòng !*

#

*Kìa những kẻ chìm sông lạc suối ;*  
*Kìa những người sẩy cõi sa cây ;*

- Có người gieo giếng ; thất dầy ;  
132 Người trôi nước lũ ; kẻ lấy lừa thành ;  
Người thì mặc sơn-tinh thủy-quái ;  
Người thì as nhanh sỏi ngà voi ;  
Có người hay đẻ không nuôi ;  
136 Có người sa-sầy ; có người khốn-thương !

#

- Gặp phải lúc lạc đường lối bước,  
Cầu Nại-hà kẻ trước người sau.  
Mỗi người một nghiệp khác nhau,  
140 Hồn xiêu phách lạc, biết đâu bây giờ ?  
Hoặc là ăn ngang bờ dọc bụi ;  
Hoặc là nương ngọn suối chân mây ;  
Hoặc là điếm cỏ bóng cây ;  
144 Hoặc là quán nợ cầu này bơ-vo ;  
Hoặc là nương thân-từ phật-tự ;  
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông ;  
Hoặc là trong quăng đồng không ;  
148 Hoặc nơi gò-đống ; hoặc vùng lau-tre...

#

Sống đã chịu một bề thảm-thiết,  
Ruột héo khô, da rét căm-căm !

- Dãi-dầu trong mấy muôn năm,  
152 Thờ than dưới đất, ăn nằm trên sóng !  
Nghe gà gáy, kiếm đường lánh-ăn ;  
Lặn mặt trời, lặn-thần tìm ra :  
Lời-thôi bằng trẻ giết già !  
156 Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh !

✽

- Nhờ phép Phật siêu-sinh tịnh-độ  
Phóng hào-quang, cứu khổ độ u.  
Ráp hòa tứ-hải quần-chu,  
160 Nỗ-phiền trút sạch, oán-thù rửa không.  
Nhờ Đức Phật thần-thông quảng-đại,  
Chuyên Pháp-luân tam giới thập phương.  
Nhơn-nhơn Tiêu-Diện Đại-Vương,  
164 Linh-kỳ một lá, dẫn đường chúng-sinh.  
Nhờ phép Phật uy-linh đồng-mãnh,  
Trong giấc mê, khuê tỉnh chiêm-bao.  
Mười loài là những loài nào ?  
168 Gái, trai, già, trẻ, đều vào nghe kinh !

#

Kiếp phù-sinh, như hình như ảnh,

Có chữ rằng : « VẠN CẢNH GIAI KHÔNG ».

Ai ai lấy Phật làm lòng,

172 Tự-nhiên siêu-thoát khỏi trong luân-hồi.

Đàn chân-tế, vâng lời Phật giáo,

Của có chí, bát cháo nén nhang,

Gọi là manh áo, thoi vàng,

176 Giúp cho làm của ăn đàng thặng thiên.

Ai đến đây, dưới trên ngồi lại,

Của làm duyên, chớ ngại bao nhiêu.

Phép thiêng biển, ít thành nhiều,

180 Trên nhờ Tôn-Giả chia đều chúng-sinh.

Phật hữu-tính, từ-bi, phồ-độ,

Chớ ngại rằng có có chằng chằng.

Nam-Mô chư Phật, Pháp, Tăng,

184 Độ cho nhất thiết siêu-thăng linh-hồn !

## CHÚ-GIẢI

1 — **Tiết 節** : một đợt tre ; một khoảng thời-gian trong đó khí-hậu giống nhau. Xưa, ta chia thời-gian một năm âm-lịch, gồm 12 tháng, ra làm *tứ thời*, hay *tứ quý*, là bốn mùa : *Xuân, Hạ, Thu, Đông* ; mỗi mùa có ba tháng : *Mạnh, Trọng và Quý* ; và bát tiết 八 節 là tám tết : *Lập Xuân* (bắt đầu mùa Xuân), *Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông* ; *Xuân-phân* (ngày đêm bằng nhau ; rồi ngày càng ngày càng dài), *Hạ-chí* (ngày dài nhất, đêm ngắn nhất ; rồi đêm càng ngày càng dài), *Thu-phân* (ngày đêm lại bằng nhau ; rồi đêm càng ngày càng dài), *Đông-chí* (đêm dài nhất, ngày ngắn nhất). Đây là *Tiết Lập Thu*, bắt đầu với tháng Bảy là tháng *Mạnh-Thu*.

— *Mưa dầm* : mưa vừa hột, không to như mưa rào, không nhỏ như mưa bụi, nhưng liên-tục ngày đêm, từ 1, 2, đến 3, 4 ngày, không chùng.

Sách « Kinh sử tuế thời ký » nói : Sao *Chức-nữ*, cũng gọi là *Thiên-tôn-nữ* (cháu gái Trời) thêu-dệt rất khéo. Trời gả cho chàng *Khiên-nguru-lang*, là chàng chăn trâu. Lấy chồng rồi, nàng bíếng nhắc việc thêu-dệt. Trời phạt nàng, bắt hai vợ-chồng phải xa nhau, mỗi người ở một bên bờ sông *Ngân-hà* (hay *Ngân-hán, Vân-hán, Thiên-hà*). Một năm, Trời chỉ cho hai vợ-chồng gặp nhau có một ngày, là ngày 7 tháng 7 âm-lịch.

Hôm ấy, chim *Ô-thước*, thứ chim vừa giống chim quạ, vừa giống chim khách, họp lại, đội đá làm thành cái cầu, cho Ngưu-lang và Chức-nữ, cùng qua sông để sang gặp nhau. Gặp nhau, hai người quá cảm-động vì quá sung-sướng, nên cả hai đều *chầu sa rờng-rờng* xuống trần-thế, thành *mưa dầm*, hay *mưa ngâu* !

— *Sùi-sục* : hình-dung-từ diễn-tả thật đúng cảnh vợ-chồng ngầu khóc dầm-dề, suốt thời-gian gặp nhau, vì gặp nhau, quá sung-sướng mà khóc ; lại vì, nghĩ đến lại sắp phải cách-biệt nhau một năm rờng-rã nữa, nên vẫn không cảm được sướng lệ tuôn liên-tục xuống trần-gian !

2 — *Toát* : từ toàn-thể một vật gì mà thoát ra, như ta thường nói : *toát mồ-hôi lạnh*. Từ bầu trời âm-u, sau những ngày *mưa dầm* ' *sùi-sục* ấy, thoát ra một thứ gió rất nhẹ, mà rất lạnh ; rất nhẹ, nên không gọi là gió, mà là *hơi may*, hay *heo may* ; rất lạnh nên làm ta thấy *buốt chân buốt tay* : *buốt* là cảm-giác đau, chạy dọc theo các bắp thịt, hay các ống xương : vẫn « *uốt* » có nghĩa « *lan hết một chiều* » trong những danh-từ như : *suốt, tuốt, chuốt, vuốt, nuốt*, v.v...

3 — *Nã 搨* : làm cho buồn :

Một thiên « *Bạc-Mệnh* » lại càng *nã nhân* !

(Kiều, 34)

4 — *Đờng lấm nhuộm*, là mới bắt đầu ngả màu bạc (trắng) với *nhuộm*, là hoàn-toàn bạc rồi :

Tuyết sương *nhuộm* nửa mái đầu hoa râm.

(Kiều, 384)

— Lá ngô rụng vàng : « Ngô-đông nhất diệp lạc, thiên-hạ cộng tri thu » (Cổ-thi) = Một lá ngô-đông 梧桐 rụng, thiên-hạ ai cũng biết là mùa thu ». Cây ngô-đông đẹp-đẽ, to lớn ; đừng lẫn với cây bắp ngô :

Giống vàng đã rụng một vài lá ngô.

(Kiều, 1694)

— Bắt đầu vào mùa thu, bông (hoa) lau bắt đầu thành trắng, lá ngô-đông bắt đầu thành vàng, rồi rụng xuống. Mỗi mùa thường được biểu-hiện cho ta biết bằng ít nhiều dấu-hiệu của thiên-nhiên, như sự thay-đổi của cảnh-vật. Nguyễn Du có tình-cảm đối với thiên-nhiên rất phong-phú, nên thường dùng những thay-đổi của thiên-nhiên để tả sự thay-đổi của bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Tỉ-dụ :

Lăn-lăn ngày gió đêm trăng,

Thưa hồng rậm lục, đã chùng xuân qua.

(Kiều, 369-70)

Dưới trăng, quỳên đã gọi hè,

Đầu tường lả lợu lập-lộc đóm bông.

(Kiều, 1307-08)

Mảng vui rượu sớm trà trưa,

Đào đã phai thắm, sen vừa nảy xanh.

(Kiều, 1473-74)

5 — Bạch-đương : 白楊 : một thứ dương-liều, lá vàng mà có răng cưa.

6 — *Đường-lô*: 棠棣; có nơi đọc là *đường-lê*; có nơi đọc là *đường-đệ*; cây giống cây bạch-dương, quả như quả mận.

5-6 — *Bạch-dương* và *đường-lô* là những cây thuộc loại cây « liễu », lá nhỏ, dài, lại rủ xuống, trông buồn như những hàng lệ rỏ; Pháp-ngữ cũng có danh-từ « saulo pleureuse = liễu khóc »; vì hai thứ cây trên có vẻ buồn như khóc, nên người ta hay trồng chúng hai bên những lối đi dọc ngang giữa các ngôi mộ trong nghĩa-địa; người đi trong nghĩa-địa buổi sớm, thường nhận trên mình những giọt sương, từ trên những lá liễu rủ, sa xuống người, như những giọt nước mắt của người thiên-cũ; gây cảm-giác lạnh-lẽo, nhắc cho ta cái lạnh-lẽo của những thầy ma; buổi chiều, thấy những bóng lá liễu thướt-tha, chỗ này chỗ kia (man-mác), ta có cảm-tưởng như những bóng ma.

Hai câu 5-6 tả cảnh thê-lương của các nghĩa-địa. nhất là về những buổi chiều mùa thu, với mưa dầm sùi-sùi, với những giọt sương sa lác-đác làm lạnh buốt đến xương, với gió heo may quỳện vào người đi trong nghĩa-địa, làm khách tảo-mộ có cảm-tưởng như hơi lạnh, toát ra từ những thầy ma nằm dưới mộ,

7 — thăm vào thịt vào xương mình, mà thấy lòng thiết-tha hơn với những người thân đã khuất bóng, đang nằm dưới đất, và như cảm-thông được với thân-thích còn trên trần-thế đi viếng mộ họ.

— *Thiết* 切: cắt; *tha* 磨: mài; khi cắt thì lưỡi dao sát liền với mặt bị cắt; khi mài thì vật mài sát

liền với đá mài ; hai thứ sát liền với nhau, không rời nhau, là *thiết-tha* : hai người rất gần với nhau là « thân-thiết » ; lòng người nghĩ luôn luôn đến thứ gì, tư-tướng không rời thứ ấy, là *thiết-tha* với thứ ấy.

— *Côi dương, côi âm* : theo triết-thuyết Á-đông, Vũ-trụ, thoạt kỳ thủy, chỉ là một chất đồng-nhất, gọi là « thái-cực » ; rồi thái-cực phân hai : một *dương*, một *âm*, gọi là « lưỡng-nghi » ; do sự kết-hợp của *dương* và *âm* mà sinh ra vạn vật. Vạn vật đều có *âm*, *dương* : các chất vô-tri vô-giác, như đá, đất, kim-loại, v.v... đều được cấu-tạo bởi những phần-tử, mà phần-tử thì được cấu-tạo bởi những điện-tử, có điện-tử *âm* và điện-tử *dương* ; các sinh vật đều có « đực, trống », tức *dương* và « cái, mái », tức *âm* ; người ta cũng có « đàn-ông » là *dương*, « đàn-bà » là *âm*. Thời-gian cũng chia làm « ngày », có « mặt trời », là *dương*, « đêm », có « mặt trăng » là *âm*. « Sống » là *dương*, « chết » là *âm* ; « trần-gian » là *dương*, « âm-phủ » là *âm*.

Người ta thường tượng-trưng *dương* bằng dấu  $\delta$  hoặc +, *âm* bằng dấu  $\rho$  hoặc —.

— Trừu *dương-thế*, sáng sủa, với đời sống động của mọi người, mà còn buồn như *thế*, hưởng hờ là dưới *âm-phủ* mà tác-giả tả ra sau đây. Nguyễn Du có những câu thơ đề chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác rất thú-tình, như hai câu 7-8 này.

#

1-8 Nhận kỹ 8 câu thơ đầu này, chúng ta thấy : câu 1 bảy tiếng, câu 2 bảy tiếng, *thế* là song *thất* ; câu 3

sáu tiếng, câu 4 tám tiếng, thể là lục-bát. Người ta gọi thể thơ này là thể song-thất lục-bát, hoặc thất-thất lục bát, hoặc lục-bát gián thất, nghĩa là 2 câu lục-bát cách 2 câu thất-ngôn.

Câu thất 1 vần trắc ở tiếng thứ 7 « *suy* » ; câu thất 2 vần với câu thất 1 bằng tiếng trắc thứ 5 « *buốt* », và có vần bằng ở tiếng thứ 7 « *khó* ». Câu lục 3 tiếp theo, vần với câu thất 2, bằng tiếng bằng thứ 6 « *thư* » ; câu bát 4, vần với câu lục 3, bằng tiếng thứ 6 « *ngô* », và có vần bằng ở tiếng thứ 8 « *vàng* ». Câu thất 5 tiếp theo, đáng lẽ vần với câu bát 4, bằng tiếng bằng thứ 5, thì lại vần bằng tiếng bằng thứ 3 « *đương* », rồi lại có vần trắc ở tiếng thứ 7 « *mác* ». Rồi lại tiếp-tục vần như trên : *mác* (tiếng thứ 7) vần với *đắc* (5) ; *sa* (7) vần với *tha* (6) ; *tha* vần với *lộ* (6) ; *âm* (8) vần với *tâm* (tiếng thứ 5, không phải tiếng thứ 3 như trên nữa).

Thể thơ này, vì dung-hòa thể thất-ngôn với thể lục-bát, nên điệu được thay-đổi luôn ; vẫn có cả trắc lẫn bằng, nên giọng lên bổng xuống trầm hơn mỗi thể đơn ; vẫn lại có thể khi ở tiếng thứ 3, khi ở tiếng thứ 5 câu thất trên, nên nhịp có thể thay-đổi bất-ngờ, như ở những câu thất có vần ở tiếng thứ ba : 5, 17, 25, 37 và 181. Lại có câu như 169, vần vừa ở tiếng thứ 3, vừa ở tiếng thứ 5, nên phong-phú, và câu thơ thật là nhịp-nhàng :

Mười loài là những loài nào ?

Gái, trai, già, trẻ, đều vào nghe kinh ! 168

Kiếp phù sinh, như hình như ảnh, 169

Có chữ rằng : « Vạn Cảnh Giai Không ».

Thể thơ này dễ ngâm hay, hơn thể lục-bát và thể thất-ngôn, vì, như đã nói trên, điệu thay-đổi luôn, giọng trầm bổng rõ-rệt, nhịp có thể bất-ngờ và dẹt-dàng, nên đã được mệnh-danh là thể « ngâm », mặc dầu thể thơ nào cũng có thể « ngâm » được, cũng có thể là « ngâm » củ. Việt-văn có hai « ngâm-khúc » bất-hủ là : « *Cung Oán* » và « *Chinh Phụ* ».

Vì là « thất, thất, lục, bát » nên ít nhất cũng phải hai câu 7 tiếng, một câu 6 tiếng và một câu 8 tiếng mới thành « song-thất lục-bát » ; nghĩa là tối-thiểu cũng phải 4 câu mới thành đoạn văn « song-thất lục-bát » ngắn nhất ; và cứ thế, muốn viết dài bao nhiêu cũng được, song tổng-số câu bao giờ cũng phải là một bội-số của 4. Thơ phải bắt đầu bằng 2 câu thất-ngôn, và chấm dứt bằng 2 câu lục-bát ; không thể bắt đầu bằng 2 câu lục-bát, cũng như không thể chấm-dứt bằng 2 câu thất-ngôn được.

#

9 — *Trường 長* : dài ; *dạ 夜* : đêm ; nghĩa đơn : đêm dài ; nghĩa bóng : cảnh tối-tăm vì đau-khổ, « đầu tắt mặt tối » ; vì bị đàn-áp, nô-lệ-hóa ; vì chiến-tranh, v.v... ; nghĩa rộng : âm-phủ, là nghĩa trong câu này.

Nịnh-Thích, một người ăn-dật Trung-Hoa thời Chiến-Quốc, thấy thời-thế loạn-lạc, đã làm câu hát :

*Trường-dạ mang mang, hà thời đán ?*

10 — *Cô* 𠵹 : một mình, lẻ-loi ; *hỗn* (xem lời chú-giải về Nhan-đế) ; *hỗn* lẻ-loi, không người thờ-phụng.

*U* 𠵹 : tối ; *minh* 𠵹 : tối-tăm, kín, sâu ; nơi vừa sâu, vừa kín, vừa tối-tăm : âm-phủ.

#

12 *Hỗn đơn phách chiếc*. — Người ta thường ví lời văn hay như « *rồng bay phượng múa* », cho nên khi nghiên-cứu về « *Bút-pháp Nguyễn Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh* », chúng tôi đã đặt cho mỗi bút-pháp một tên, để dễ lĩnh-hội, trong đó có *rồng* và *phượng*. Tỉ-dụ : Nguyễn-Du hay dùng 2 cặp tiếng, mỗi cặp gồm 2 tiếng thường đi đôi với nhau, như *hỗn*, *phách* và *đơn*, *chiếc* : chúng tôi mệnh-danh bút-pháp này là « *lưỡng long song phụng* ». *Lưỡng* là hai, *long* là rồng, *song* là đôi, *phụng* là phượng. « *Lưỡng long song phụng* » là 2 con rồng và 2 con phượng. *Rồng* và *phượng* là 2 con vật thần-thoại, thường được người ta cho đi đôi với nhau. Một đôi rồng và một đôi phượng đi với nhau thành 2 cặp : một cặp rồng, một cặp phượng, hoặc mỗi cặp gồm 1 rồng 1 phượng.

Vị-trí của *rồng* và *phượng* có thể đổi lẫn cho nhau theo nhiều cách.

Nếu ta tượng-trung « *lưỡng long* », là cặp tiếng thứ nhất, bằng  $L_1$  và  $L_2$  ; « *song phụng* », là cặp tiếng thứ nhì, bằng  $P_1$  và  $P_2$  ; ta có thể đặt 4 tiếng  $L_1, L_2, P_1, P_2$ , theo 16 cách khác nhau như sau :

1)  $L_1 L_2 P_1 P_2$  : *hỗn phách đơn chiếc* ;

- 2)  $L_1 L_2 P_2 P_1$  : hỗn phách chiếc đơn ;
- 3)  $L_2 L_1 P_1 P_2$  : phách hỗn đơn chiếc ;
- 4)  $L_2 L_1 P_2 P_1$  : phách hỗn chiếc đơn ;
- 5)  $P_1 P_2 L_1 L_2$  : đơn chiếc hỗn phách ;
- 6)  $P_1 P_2 L_2 L_1$  : đơn chiếc phách hỗn ;
- 7)  $P_2 P_1 L_1 L_2$  : chiếc đơn hỗn phách ;
- 8)  $P_2 P_1 L_2 L_1$  : chiếc đơn phách hỗn ;
- 9)  $L_1 P_1 L_2 P_2$  : hỗn đơn phách chiếc ;
- 10)  $L_1 P_2 L_2 P_1$  : hỗn chiếc phách đơn ;
- 11)  $L_2 P_1 L_1 P_2$  : phách đơn hỗn chiếc ;
- 12)  $L_2 P_2 L_1 P_1$  : phách chiếc hỗn đơn ;
- 13)  $P_1 L_1 P_2 L_2$  : đơn hỗn chiếc phách ;
- 14)  $P_1 L_2 P_2 L_1$  : đơn phách chiếc hỗn ;
- 15)  $P_2 L_1 P_1 L_2$  : chiếc hỗn đơn phách ;
- 16)  $P_2 L_2 P_1 L_1$  : chiếc phách đơn hỗn.

Như thế, vẫn 4 tiếng ấy, mà mỗi lúc ghép một khác, vừa tiện hạ vần, vừa cho người đọc cảm-tưởng không nhắc đi nhắc lại một công-thức đã dùng rồi.

Nhất là chỉ cần thay một « cặp phụng » là có ngay những hình-ảnh mới, khiến người đọc có cảm-tưởng lời văn phong-phú vô-cùng. Tỉ-dụ :

Thương thay Thập Loại Chúng-Sinh,

Hồn đơn phách chiếc linh-đỉnh quê người. 12

Gặp cơn mưa nắng giữa trời,  
Hồn đường phách sẽ lạc-loài nơi nao? 100

#

Mỗi người một nghiệp khác nhau,  
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ? 140

#

Sinh đã phách lạc hồn xiêu :  
Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây !  
(Kiều, 1824)

Hoan Thư hồn lạc phách xiêu,  
Khẩu đầu dưới trướng, liệu điếu kêu-ca.  
(Kiều, 2363)

Tôi đời phách lạc hồn bay,  
Pha cần bụi cỏ gốc cây lùn minh.  
(Kiều, 1651)

Máu rơi thịt nát tan-tành,  
Ai ai trông thấy hôn kinh phách rời.  
(Kiều, 2390)

☉

Trong bài này, chúng ta thấy Nguyễn Du dùng rất nhiều « lưỡng long song phụng » :

— Còn chi ai khá ai hèn,  
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu. 16

- Muốn nhờ Đức Phật Từ-Bi,  
*Giải oan cứu khổ, độ vớ Tây-Phương.* 20  
— Nói chỉ những buổi tranh hùng,  
Tưởng khi sẽ khuất vận cùng mà đau ! 24  
Bỗng phút đau mới sa ngói lở,  
Khôn đem mình làm đũa thất-phu ! 25
- Cũng có kẻ màn lan trướng huệ,  
Những cây mình cung quở phòng hoa ! 33  
Một phen thay đổi sơn hà 35  
Mảnh thân chiếc lá biết là làm sao ?  
— Thương thay chân yếu tay mềm ! 43  
Càng năm càng héo, một đêm một dài !
- Kia những kẻ lân đài phụng các, 45  
Ngọn bút sơn sống thác ở tay.  
Cỏ-hồn thất thêu dọc ngang, 55  
Nặng oan khôn lẽ tìm đường hóa sinh !
- Kia những kẻ bãi binh bỏ trận, 57  
Đổi mình vào lũy ần nguyên-nhung.
- Khi thứt-thế, sơn rơi đạn lạc, 61  
Bãi sa-trường thịt nát máu trời !  
Mệnh-mông góc bể bên trời, 63  
Năm xương vô chủ biết rơi chốn nào ?  
— [Từ đây góc bể bên trời,  
Nắng mưa thui-thủi quở người một thân !  
(Kiêu, 899)]

— [*Bên trời góc bể bơ vơ,*  
*Túm -son gột rửa bao giờ cho phai ?*  
(*Kiều, 1041*)]

- Khi xâm-xùm, mưa gào gió thét, 66  
    *Khí âm-huyền mờ mịt trước sau.* 67
- Cũng có kẻ tính đường trí-phú,  
    *Mình làm mình nhịn ngủ quên ăn.* 70  
    — *Sống thì tiền chầy bạc ròn,* 76  
    *Thác không đem được một đồng nào đi !*
- Cũng có kẻ rập cầu chữ « *Quý* », 82  
    *Dẫn mình vào thành thị lân la.*
- *Dọc hàng quán phải tuần mưa-nắng,*  
    *Vợ con nào nuôi, nấng khem kiêng ?* 86  
    *Vội-vàng liệm sấp chôn nghê,* 87  
    *Anh-em thiên-hạ, láng-giềng người đứng.*
- Bóng phần-tử xa chừng thân-tộc,*  
    *Bãi tha-ma kẻ dọc người ngang.* 90
- *Cũng có kẻ đi vớ buôn bán* 97  
    *Đòn gánh tre chín dạn hai vai !*  
    *Gặp cơn mưa-nắng giữa trời,*  
    *Hồn đường phách sá lạc-loài nơi nao ?* 100
- *Buổi chiến-trận mạng người như rác,*  
    *Phận đã đành dạn lạc tên rơi.* 106
- *Cũng có kẻ lữ-làng một kiếp,*  
    *Lưu tuổi xanh, buôn nguyệt bán hoa.* 110

- Cũng có kẻ *nằm cầu gối đất*, 117  
 Dối thàng ngày hành-khất ngược-xuôi  
     Kia những kẻ *chìm sông lạc suối* ; 129  
     Kia những người *ấy cõi sa cây* ; 130  
     Người thì *mặc sơn tinh thủy quái*, 133  
     Người thì *sa nanh sỏi ngà voi*.  
 — Gặp phải lúc *lạc đường lỡ bước*, 137  
     Câu *Nại-hà* *kẻ trước người sau*. 133  
         Mỗi người một *nghiệp khác nhau*,  
     *Hồn siêu phách lạc* *biết đâu bây giờ ?* 140  
     Hoặc là *lũ ngang bờ dọc bụi* ; 141  
     Hoặc là *nuông ngọn suối chân mây*. 142  
         Hoặc là *điểm cỏ bóng cây*,  
     Hoặc là *quán nợ cầu này bơ-vơ*. 144  
     Hoặc là *nuông thần-từ phật-tự* ; 145  
     Hoặc là *nhờ đầu chợ cuối sông* ; 146  
 — Nhờ *Phép Phật siêu-sinh tịnh-độ*,  
     *Phóng hào-quang*, *cứu khổ độ u*. 153

Tổng-cộng có 39 « *lượng long song phụng* » trong

39      1

toàn thiên dài 184 câu ; ta có tỉ-số  $\frac{39}{184} = \frac{1}{4,71}$ , nghĩa

184      4,71

là, trong bài này, cứ *ngót 5 câu lại có một « lượng long song phụng »*. Trong « *Đoạn Trường Tân-Thanh* », tỉ-số

1

là —, nghĩa là cứ 11 câu mới có một « lưỡng long song  
11

phụng ». Theo ý chúng tôi, thì sự khác-biệt này có thể cho ta kết-luận : bài thơ này được Nguyễn Du trước-tác trước « Đoạn-Trường Tân-Thanh » rất lâu, vì, khi trước-tác « Đoạn-Trường Tân-Thanh », thì tác-giả đã có nhiều bút-pháp khác, nên chỉ dùng « lưỡng long song phụng » với tỉ-số chưa bằng nửa tỉ-số của bài « Chiêu hồn Thập Loại Chúng Sinh » thôi. Hơn nữa, để viết bài « Chiêu hồn », tác-giả đã dùng thể « song-thất lục-bát » là thể tương-đối dễ hay hơn thể « lục-bát » của tập « Đoạn-Trường ».

#

Bên cạnh bút-pháp « lưỡng long song phụng », có bút-pháp mà chúng tôi mệnh-danh là « uyên-ương phượng-hoàng ». Bút-pháp này cũng gồm 2 cặp tiếng, nhưng mỗi cặp gồm 2 tiếng không thể tách biệt ra được, như cặp « uyên-ương » và cặp « phượng-hoàng » ; ta không thể cho « uyên » đi với « hoàng » và « ương » đi với « phượng » được ; vì lẽ đó, ta chỉ có thể xếp 2 cặp tiếng này theo 4 cách mà thôi, tỉ-dụ :

- |            |   |                    |
|------------|---|--------------------|
| 1° U U P H | = | trâm gãy bình rơi. |
| 2° U U H P | = | gãy trâm rơi bình. |
| 3° P H U U | = | bình rơi trâm gãy  |
| 4° H P U U | = | rơi bình gãy trâm  |

Trong bài này, bút-pháp «uyên-ương phượng-  
hoàng» đã được dùng trong những câu sau đây :

- Trong trường dạ, *tôi-tâm trời-đất*, 9  
Cổ-hồn thường phảng-phất u-minh !  
— Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,  
Phận đũ đành *trăm gậy bình rơi*. 38  
— Đau-đớn nhẽ không hương không khói,  
*Hồn ngàn-ngọc dòng suối ngàn sim*. 42  
— *Gió mưa sấm sét ùng-ùng*, 59  
Đãi thây trăm họ làm công một người !  
Khi thất-thổ tên rơi đạn lạc,  
*Bãi sa-trường thiệt nát máu trời !* 62  
— *Ngàn cây nội cỏ rầu-rầu*, 67  
Nào đâu điếu-tễ, nào đâu chưng-thường ?  
— *Ngàn-ngọc nội độc đồng chiêm*, 79  
Tuần hương giọt nước, biết tìm vào đâu ?  
— *Cũng có kẻ vào sông ra bể*, 93  
*Cánh bướm mây chạy xẽ gió đông*.  
— *Lấy ai bằng-bã xót-xa*, 127  
U-ơ tiếng khóc, thiết-tha nổi lòng.  
— Người thì mặc sơn tinh thủy quái,  
*Người thì sa nanh sói ngà voi* 134  
— *Hoặc là điếm cỏ bóng cây* 143  
*Hoặc là quán nợ cầu này bơ-vơ !*  
— *Lời-thôi bằng trẻ giết già*, 155  
Có khôn-thiêng nhẽ lại mà nghe kinh !

Tổng-cộng toàn-thiên dài 184 câu, có 12 « nguyên-trương phượng-hoàng » ; vậy cứ độ 15 câu lại có một « nguyên-trương phượng-hoàng ».

#

Nhân nói về bút-pháp Nguyễn Du, chúng tôi xin nêu lên một bút-pháp đặc-biệt Nguyễn Du, mà chúng tôi mệnh-danh là « long phụng song phi », thường gọi là « tiểu-đối » : một câu bát chẳng hạn, được chia làm 2 phần, mỗi phần 4 tiếng, phần nọ đối với phần kia hết sức thần-tinh ; chúng tôi tưởng-tượng như có một hàng 4 con rồng, và một hàng 4 con phượng, bay thành 2 hàng song-song đối nhau :

Hoa lau nhuộm bạc ; lá ngô rụng vàng.	4
Máu tươi lai-lãng ; xương khô rụng-rời.	28
Càng năm càng héo ; một đêm một dài.	44
Đã đêm Quán, Nhạc, lại ngày Y, Chu.	48
Đãi thầy trăm họ, làm công một người !	60
Anh em thiên hạ ; láng giềng người dưng.	88
Gió trăng hiu-hắt ; lửa hương lạnh-lùng.	92
Đãi-dầu nghìn dặm ; lăm-than một đời.	104
Sống nhờ hàng xú ; chết vùi đường quan.	120
U-ơ tiếng khóc ; thiết-tha nỗi lòng.	128
Người trôi nước lũ ; kẻ lầy lửa thành.	132
Thỏ-than dưới đất ; ăn năm trên sương.	152
Nẻo-phiền trút sạch ; oán-thù rửa không.	160

Tổng-cộng, 13 câu bát « long phụng song phi » trong tổng-số 46 câu toàn bài, tỉ-số gần được  $\frac{1}{3}$ , nghĩa là cứ 3 câu bát là có một câu « long phụng song phi » : thật là đặc-biệt Nguyễn Du !

#

- *Linh* 伶, 零 : một mình, *đỉnh* 汀, 丁 : một mình ; cô-đơn, không nhờ cậy vào ai được hết.
- 13 — *Hương* 香 : nhang ; *lửa* (hỏa 火) để đốt hương, đốt đèn, đốt nến (đèn cây, sáp) để thờ cúng ; *hương* và *lửa* là hai thứ cần-thiết trong việc thờ cúng nên tượng-trưng cho việc thờ cúng ; không có nơi nào, người nào đốt hương cúng cho.
- 14 — *mỡ-côi* đây có nghĩa là không có người săn-uốc cho ; bị bỏ rơi, đói khát.
- *bầy* : biết bao nhiêu : biết mấy
- *niên* 年 : năm ; vì văn « hèn » ở dưới nên tác-giả dùng tiếng « niên » thay cho tiếng « năm ».
- Trường-hợp này cũng có trong Kiều :
- Họ Đò có kẻ lại già thừa lên :  
« Sự này đã ngoài mười *niên*,  
« Tôi đã biết mặt biết tên rành-rành... »  
(Kiều 2886-87-88)
- 17 — *dàn* 壇 : cái đài làm bằng đất và gỗ để tế lễ ;
- *giải* 解 : gỡ ra ; *thoát* 脫 : ra ngoài vòng ;
- giải-thoát* : Trừ bỏ cái ngu-mê của thế-tục mà được giác-ngộ về cõi Phật.

- 18 — *sôi* 灑 : rảy nước ; *hạt* 洒 : giọt nước.  
— *duong-chi* 楊枝 : cành cây liễu ; *duong-chi* thủy 楊枝水 : nước cành dương. Đời Tần, ông Thạch-Lặc có người con trai đau bệnh, chết ngắt đi ; có ông Phật-Đồ-Trùng, người nước Thiên-Trúc, lấy cành dương, nhúng vào nước, rồi rảy vào, tức thì tỉnh mà sống lại được : nước có phép Phật ở trong.
- 20 — *giải* (17) *oan* 寬 : cỗi mỗi oan-ức ; *giải* 救 *khổ* 苦 : giúp cho khỏi phải chịu sự cay đắng, vất-vả.  
— *Tây-Phương* : chỉ thế-giới cực-lạc, nơi đức Phật A-Di-Đà thuyết pháp độ sinh.
- 21 — *kiêu* 驕 : làm bộ, tự cao, bướng ; *hãnh* 憍 *giận*, *hăm-hăm* ; tự cho là có tài cao mà khinh người.
- 22 — *Chí* 志 : ý nghĩ và muốn làm.  
— *lăm* : sắp-sửa.  
— *cốt* : đưa từ mặt đất lên vai, để mang đi bằng đòn gánh đặt trên vai ; hai đầu đòn gánh có treo thứ phải mang đi.  
— *non-sông* : đất nước, gồm có núi và sông ; tổ-quốc ; *cốt* *gánh non-sông* : mang lấy công-việc nặng-nề của nước nhà.
- 23 — *tranh* 爭 *giành* với người khác một thứ gì ; *hùng* 雄 giống đực trong loài chim ; nghĩa bóng : khỏe-mạnh, can-đảm ; *tranh* *hùng* : tranh với

người khác xem ai hơn ai, ai *hùng* hơn ai, ai *anh-hùng* hơn ai. — *Anh* : nhị hoa ; nghĩa bóng : tinh-túy, cao-thượng ; *anh-hùng* : người có tâm-hiền cao-thượng, có thân-thể khỏe-mạnh, sức-lực và can-đảm hơn người.

Câu 23 có thể áp-dụng cho Hán Cao-Tổ và Sở Bá-Vương, khi hai người còn đương *tranh hùng*, đánh nhau để xem ai kẻ nghiệp nhà Tần, thống-trị Trung-Quốc. Câu 24 có thể áp-dụng cho Sở Bá-Vương trên bến Ô-Giang !

21 — *thụ khuất* 勢屈 (co lại, cúi xuống, nên không thấy nữa) : *thế khuất* : bị lu mờ, mất quyền lực, mất chỗ để dựa, mất những điều trước kia làm cho mình hơn người.

— *vận* 運 : số-mệnh ; *cùng* 窮 : đến điểm chót ; hết ; đến lúc không còn cái gì hơn người nữa ; đến phút chót của quyền-thế, của cả đời người nữa.

25 — *mái sa ngôi lờ* : mái nhà sụp xuống, ngôi lợp nhà ròi-rủ ra, thế là cả tòa nhà, bống chốc, sụp đổ, mà mình không ngờ trước (*phút đầu*) được ; trọng-trung cho sự tiêu-hủy sự-nghiệp của người *anh-hùng thế khuất vận cùng*, sự tiêu-hủy xảy ra bất ngờ và trong khoảnh-khắc.

26 — *thất-phu* 匹夫, *thất-phu* là người đàn-ông sánh đôi, *thất-phụ* là người đàn-bà sánh-đôi ; do đó *thất* có nghĩa là một lẻ để sánh đôi ; *thất-phu* là người thường-dân. Sự-nghiệp *anh-hùng*

tiêu-tán, chí lớn cắt *gánh non-sông* không thành-tựu, thì chỉ còn có chết, chứ có muốn sống làm một người thường-dân thôi cũng không được.

27-28 Trước kia, đương lúc *tranh hùng* để thực-hiện chí lớn, muốn trở nên đại-phú (*giàu*), đại-quý (*sang*), thì, như Hạng Võ chẳng hạn, đã phải giết hàng muôn người, nên, khi *thở khuyt vận cùng*, thì bị hàng muôn người *oán thù* và giết cho máu tươi chảy tràn khắp mặt đất (*lai-láng*), và xương phơi đầy đồng-nội, rồi khô đét, và không còn cái nào dính với cái nào (*rụng-rời*).

29 Cô-hồn của những kẻ *kiêu-hãnh* ấy sẽ di-chuyển, trong cõi u-minh, thành từng đoàn ma, vì họ không có người giữ phần hương-hỏa (*vô thừa-tự*) để thờ-cúng họ, thành từng đoàn *lạc-loai*, đi khắp đó đây, không bấu-vủ vào đâu được cả, vì họ đã lạc mất quẻ-hương và gia-quyển của họ rồi ; họ vừa đói vừa khát, vừa rách-rưới bần-thần, vì có ai săn-sóc cho linh-hồn họ đâu, thành trông họ *lả-lướt* vì đói-khát (*nhèo*) và lúc-nhức như đòi như bọ vì đông vô kể (*nhóc*).

30 Cũng có những kẻ *kiêu-hãnh* ấy bị chém mất đầu nên thành những *quý không đầu*, không trông thấy gì, không biết đi đâu, nên cứ đứng mà *khóc*, như những biển người, biển ma, biển quý, máu vẫn còn phun có vòi từ cổ *không đầu* của họ ra, máu phun ra đến đâu là hòa vào với nước mưa đương tầm-tã đổ trút xuống biển

*quý không đâu* ấy, làm cho ta có ấn-tượng như đứng trước một gấm trời gấm toàn những *quý không đâu*, ngập trong biển máu : đó là kết-quả của *chí kiêu-hãnh*, những *lăm cứt gánh non sông* của họ đó !

31 Văn biết, việc đời *thành* hay *bại*, được hay  
thua, là thuộc vào *cơ* (máy) huyền-bí của Tạo-  
32 Hóa, nhưng, có một điều chắc-chắn, là một  
người như Sở Bá-Vương, một tay giết hàng-hà  
sa-số đông-loại như thỏ, thì u-hồn của y muốn  
đời cũng không *tan* đi được, để mà *hóa-sinh*  
làm kiếp khác, dù là kiếp súc-sinh !

33 — *màn* có thêu hoa *lan*, *trướng* có thêu hoa  
*huệ*, là những bảo-vật mà các công-chúa lá ngọc  
cành vàng, các tiều-thư thiên-kim, dùng để che  
34 cho kín-đáo hơn *cung-điện* của họ, mà tác-giả  
ví như *cung-điện*, có trồng cây *quế*, của Hằng-  
Nga trên mặt trăng, và *khuê-phòng* của họ, được  
trang-hoàng bằng biết bao thứ *hoa quý*, sắc đẹp  
hương thơm.

Các công-chúa lá ngọc cành vàng và các thiên-  
kim tiều-thư ấy, *cậy* vào địa-vị của mình, mà  
chẳng bao giờ thêm làm một việc gì, chẳng bao  
35 giờ thêm học một nghề gì, nên, nếu bất-thình-  
lình mà *thay-đổi sơn-hà*, nghĩa là dòng-dõi họ  
mất mất ngại vàng, mất mất địa-vị giầu-sang, thì  
họ không có cách nào mà sống được, không làm  
36 gì mà sống được, *thân-thở* họ chỉ như một *chiếc*  
*lá*, gió thổi vèo đi, không biết là sẽ ra làm sao ?

- 37 Có người nhảy từ trên lầu cao xuống đất mà  
quyên-sinh ; có người gieo mình xuống dưới  
38 dòng nước chảy mà tự-tử : thân-phận đành như  
trám bằng ngọc-quý mà tự tay phải bẻ gãy làm  
đôi, như bình bằng ngọc đẹp mà cố-ý để rơi  
39 cho vỡ tan-tành ! Thật là đau-đớn ! Xưa kia,  
một nhà sum-hạp đông-đúc vui-cười, trông suốt  
đời cũng chẳng có bóng một sự gì buồn, có ai  
ngờ hạnh-phước như giấc hoàng-trương, vừa hôm  
qua bao người nâng-niu chiêu-chuộng, mà hôm  
40 nay, sau khi gieo mình từ lầu cao xuống đất cho  
tan ngọc nát hoa, cũng không một người nào  
đoái-thương mà nhặt xương vùi hống cho đỡ  
túi vong-linh !
- 41 Rồi từ đây, đến muôn thủa, cũng không  
hương không khói, để hồn phải bơ-vơ làm con  
42 ma dại, hoặc ở dòng suối, hoặc ở ngàn sim ; vốn  
một đời xưa, chỉ sống nâng-niu trong trướng  
43 huệ, màn lan, phòng hoa, cung quế, nên chân  
44 yếu tay mềm, còn phần-đầu gì được, mà chẳng  
chịu cảnh càng năm càng héo, kéo dài vô-tận  
cảnh đêm tối của cô-hồn !
- 33-44 — Trong lịch-sử, những ngọc-diệp kim-chí, gặp  
cảnh-ngộ tang-thương biến-đổi thâm-khắc, tả  
trong đoạn này, tiêu-biểu nhất, có lẽ là những  
công-chúa giá liên-thành, tiêu-thư đáng nghìn  
vàng, triều Lý mặt.
- Trần Thủ-Độ, sau khi đã chuyển được ngai  
vàng của họ Lý sang họ Trần, để trừ hết những

hậu-họa, đũ tiêu-diệt cả dòng-dõi họ Lý. Năm nhâm-thìn 1232, Thủ-Độ tổ-chức lễ tế Tiên-hậu nhà Lý, cực kỳ long-trọng, ở thôn Thái-Đường, làng Hoa-Lâm (bây giờ là huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh, Bắc-Việt), rồi cho mời tất-cả tôn-thất nhà Lý đến tế-lễ. Sản tế-lễ đã được Thủ-Độ, trong bí-mật hoàn-toàn, gây-dụng bằng phèn tre, trên mặt một cái hầm vĩ-đại. Các tôn-thất nhà Lý, đang tế-lễ, thì bị Thủ-Độ cho giắt sào sụt xuống hầm, rơi tất cả xuống hầm. Thủ-Độ cho lấp đất chôn sống hết, rồi lại giết hết các phu dũ làm công-việc đào hầm, dựng sào và lấp đất, để không còn một ai có thể tiết-lộ bí-mật hành-động gian-hung tối độc-ác của y. Những người họ Lý, không thuộc dòng tôn-thất, Thủ-Độ bắt phải đổi họ Lý thành họ Nguyễn.

Còn tất cả đàn-bà, con gái, nhất là thuộc hàng ngọc-diệp kim-chi, thiên-kim tiêu-thư, Thủ-Độ bắt dầy lên Thượng-du, gả cho các tù-trưởng dân-tộc thiểu-số : Mường, Mán, Thổ, Mèo, v.v... để con-cháu không còn là người Việt-Nam nữa, không có ai, về sau này, có thể lợi-dụng một người, trong tội con-cháu ấy, làm Minh-chúa, để khôi-phục nhà Lý được. Tất-nhiên, đã nhiều người, trong số các kim-chi ngọc-diệp ấy, không chịu được cảnh ngược-đãi của Thủ-Độ, đã lao mình từ trên lầu cao xuống đất mà tự-tử, để gieo mình xuống dưới dòng nước chảy mà quyên-sinh. Thôn họ nằm nát bầy trên mặt đất, không

ai dám đến nhặt xương để chôn-cất cho họ, vì sợ liên-lụy. Thấy họ nổi lênh-phênh trên mặt nước, cũng không ai dám vớt để khâm-liệm cho họ, vẫn vì sợ họa lây. Cả dòng-dõi họ Lý đã bị, hoặc chôn sống dưới hầm thôn Thái-Đường, hoặc phát-văng lên mạn ngược, còn ai sống-sót đâu mà hương mà khói cho vong-linh họ nữa ! Thật là thảm-thương ! Vừa ngày nào, trong cung quế, phòng hoa, sau màn lan, trướng huệ, đông-đúc, vui-cười, được cả nước kính-trọng và ngưỡng-mộ, đời tướng mãi-mãi sung-sướng như tiên-nga trên trần-thế, thế mà, qua một cuộc thay-đổi sơn-hà, đã thành những người tuyết-vọng nhứt, đến phải tự hủy ngọc, trâm châu, hoặc cam lên chốn rừng thiêng nước độc, bầu-bạn với Mường, Mán, Thổ, Mèo :

Tiệc thay cây quế giữa rừng,

Đề cho thằng Mán thằng Mường nó leo !

(Ca-đao)

Chính Nguyễn Du cũng đã sống trong một thời thay-đổi sơn-hà luôn-luôn, và chắc đã mục-kích những thảm-cảnh vô-cùng thương-tâm, là hậu-quả những cuộc thay-đổi sơn-hà ấy. Vì, trong thời-gian Nguyễn Du sống (1765-1820), đã liên-tiếp xảy ra nhiều cuộc thay-đổi sơn-hà : họ Trịnh đến mặt vắn ; Trịnh Sâm, tức Tĩnh Đô-Vương (1767-1782), say-đắm Đặng-thị-Huệ, đẻ Thị-Huệ tác yêu tác quái, xúi chớng phở trường lập thứ, đẻ con thị lên nối ngôi chúa, sinh ra bao

cảnh tranh-giành chém giết lẫn nhau ; sinh ra loạn Kiêu-Binh, khiến quân lính công khai, phá nhà nhiều quan Tham-Tụng, là quan lớn nhất, dưới Chúa, trong số đó có quan Tham-Tụng Nguyễn Khản, là anh cả của Nguyễn Du ; công-khai cướp bóc của dân mà không bị trừng-phạt gì cả ; Nguyễn Huệ phù Lê diệt Trịnh (1786) ; vua cuối cùng nhà Lê, Lê Chiêu-Thống, cầu-cứu với Thanh-triều bên Trung-Quốc, đề xin đưa quân Thanh sang dẹp « loạn Nguyễn-Huệ » ; Nguyễn-Huệ đại-phá 20 vạn quân Thanh ở trận Đống-Đa (1789) ; Nhà Lê bị diệt ; sơn-hà thuộc về nhà Nguyễn Tây-Sơn ; nhà Nguyễn Tây-Sơn bị diệt ; sơn-hà thuộc về Nhà Nguyễn Gia-Long (1802), v.v... Nguyễn Du đã sống qua bao phen *thay-đổi sơn-hà* như thế, hẳn đã mục-kích nhiều hậu-quả thâm-thương, tương-tự như thời Lý mặt ... Trữn sr.

46 ... lân 麟 = kỳ-lân 麒麟 : thú thần-thoại, có tính lành, hình giống con hươu mà lớn hơn, đuôi trâu, vượt ngựa, không ăn sinh-vật, người ta gọi là nhân-thú ; đài 臺 : nhà làm cao, có thờ đứng đấy mà trông xa được ; phụng 鳳 : chim thần-thoại, trống là phụng hay phượng, mái là hoàng 凰 hay loan 鸞 ; các 鷲 : lều gác.

*Lân-dài phụng-các* : lều lân gác phượng, lều cao có vẽ trên tường hình lân hình phượng cho đẹp cho sang. Những người rường-cột của quốc-

gia, được Vua cho vẽ hình treo trong lầu lân gác phượng để biểu-dương công-đức. Nghĩa rộng : những người cầm quyền-chính quốc-gia, có thế-lực trên mọi người.

47 — *kính-luân* 經綸 : việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra, gọi là *kính* ; so những sợi tơ cùng một loại mà hợp lại, gọi là *luân* ; nghĩa bóng : sủa-sang sắp-đặt việc chính-trị trong một quốc-gia.

— *găm* : cho vào túi, lủy ghim gài lại cho khỏi rơi ra ngoài ; giữ cữn-thận kín-đáo ; một *túi đầy* : có rứt nhiều kinh-nghiệm, hoặc tài riêng, trong người.

48 — *Quản* : *Quản-Trọng* 管仲 : nhà chính-trị thời Chiến-quốc, giúp Tề Hoàn-Công lập nên bá-nghiệp (làm bá-chủ các nước khác, thay quyền đễ-nghiệp nhà Chu mà điều-khiển các nước chư-hầu).

— *Nhạc* : *Nhạc-Nghị* 樂毅 : nhà chính-trị nước Triệu, đời Chiến-quốc, có tài du-thuyết đễ các nước Tần và Hàn cùng nước Triệu đánh và thắng nước Tề.

— *Y* : *Y-Doãn* 伊尹 : một vị khai-quốc công-thần (có công giúp nhà vua xây-dựng nền vương-nghiệp) của nhà Thương bên Tàu.

— *Chu* : *Chu-Công* 周公 : người đời nhà Chu, con vua Văn-Vương, tên là Đán 旦, định chễ

độ lễ-nhạc, đặt ra nghi-thức quan, hôn, tang, tế, tức các quy-tắc phải theo trong mọi việc xảy ra trong đời sống xã-hội.

Đã đem... lại ngày : luôn-luôn thi-thố tài chính-trị, ngang với tài các chính-trị-gia danh-tiếng thời xưa, để điều-khiển việc nước.

Nhưng, không có gì vĩnh-viễn cả, nên, một khi có bậc anh-hùng tạo nên sự-nghiệp mới, hủy-bỏ chế-độ cũ, thì những nhà quyền-quý của chế-độ cũ thường bị thủ-tiêu.

- 49 — Ngày trước, để gây thế-lực của họ, họ đã phải chém, giết, hoặc làm tội nhiều người ; họ càng thành công, càng có nhiều thế-lực và tiền-tài (*thịnh 盛*), càng đẩy-đu tất cả (*mãn 滅*), thì càng nhiều người, vì họ, mà mất thế-lực, mất tiền-tài, nên oán-thù họ. Những người này, đã là *ma*, đủ *trăm loại*, *mỗi năm* đầy đồng *chung-quanh* họ, đang chờ đến lượt họ phải chung một số-kiếp.
- 51 — Khi họ thất-thế, dù giàu-có mấy, họ cũng không thoát chết, dù họ có muốn đem *ngին* nên vàng mà đổi lấy mạng mình, cũng đâu có được !
- 52 — Và, một phen thay-đổi *son-hà*, như đã nói ở trên (câu 35), thì *lân đài phụng các* của họ cũng bị những người tạo ra thời-thế mới phá-hủy *tan-tành* rồi, còn *dâu* nữa ?

- 53 — Những người cùng họ-hàng với họ, *thân 親* (là họ nội) *thích 戚* (là họ ngoại) với họ, sợ va lây, đã bỏ họ, chạy trốn, tránh xa họ rồi, nên, chung-quanh họ *vắng sau vắng trước* ; vì vậy
- 54 mà, sau khi họ chết đi, không có ai thờ-cúng, *bát nước nén nhang* dâng cho vong-hồn họ cả !
- 55 Vì thế, mà *hồn cô-độc* của họ, không nương-tựa vào đâu được cả, hết đi *dọc* lại đi *ngang*, *ngả-nghiêng*, không mục-đích, *thất-thầu*.
- 56 — Cô-hồn ấy cũng không *hóa-sinh* làm kiếp khác được, vì, như đã nói ở trên, bị rất nhiều cô-hồn khác oán-thù, vì *nặng oan* lắm, nên không có lý-do nào (*khôn lẽ*) mà lại tìm được *đàng* giải-thoát !
- 57 — *bãi 排* : bày ra ; *bố 布* : bày ra ; *binh 兵* : quân lính ; *trận 陣* : quân-đội dàn thành hàng để đánh nhau ; *bãi binh bố trận* : xếp-đặt binh-lính và vũ-khí để sẵn-sàng đánh nhau ; công-việc của các võ-tướng.
- 58 — *ân 恩* : con dẫu của người có quyền-thế.  
— *nguyên 元* : đầu, trên hết ; *nhung 戎* : binh-xa, xe trận lớn ; nguyên-súy còn gọi là *nguyên-nhung*.  
— *đời mình vào* : chịu-đựng những sự nguy-hiểm đến tính-mệnh mình, xông-pha nơi chiến-trận, để lập chiến-công, với mục-đích được làm *nguyên-nhung*.

Chúng tôi nghĩ đến Hán Bái-Công, đang lúc tranh-hùng với Sở Bá-Vương, mặc dầu có « Đố-mạng » mà vẫn còn lòng kiêu-hãnh, tự-phụ, tự-ái, chỉ vì muốn tranh « ăn nguyên-nhung » với Hàn Tín, mà đã đưa 60 vạn tướng-sĩ vào lò sát-sinh, trong một trận mà, chỉ trong kẽ tóc chân tơ, là phải « đổi mình », đổi « Đố-mạng » của mình, để lấy cái ăn nguyên-nhung chỉ xứng đáng trong tay Hàn Tín !

59 — *Gió-mưa sấm-sét* : tượng-trung cho cảnh sùng nổ đạn bay, nơi chiến-trường.

60 — Người võ-trưởng đẩy quân-sĩ vào chiến-trường để họ bắn giết nhau ; biết bao người, của đủ các gia-đình (*trùm họ*), phải chết, phơi (*dũ*), thấy trên chiến-địa, để một mình ông nguyên-nhung, một người, lập công, lĩnh thưởng :

Bằng quân mạc thoại phong hầu sự,

Nhất tướng công thành vạn cốt khô !

(Tào Tùng thi)

61 — *thất-thế 夫勢* : mất quyền-lực (xem câu 24).

62 — *sa-trường 沙場* hay chiến-trường 戰場 hay trận-địa 陣地, hay chiến-địa, là nơi quân-đội đánh nhau.

64 — *vô chủ* : không có ai nhìn-nhận.

65 — *khi xám-xăm* : lúc xám-xăm tối, sắp tối.

- 66 — *khí* 氣, chấT hơi, tinh-thần, bản-chấT vô-hình cấu-tạo nên vạn vật; *âm* 陰, phản với *ương* 陽 (xem câu 8); *huyền* 玄: đen, tối, sâu-kín; ở đây *khí âm-huyền*, cũng như *âm-khí*, là bản-chấT vô-hình của những người đã chết. Khi chị em Thúy-Kiều ở bãi tha-ma, Vương Quan nói với Thúy-Kiều:

Ở đây *âm-khí* nặng-nề...

(Kiều, 113)

- 68 — *điều* 吊: thăm-hỏi nhà có tang; *tế* 祭 cúng; *điều-tế*: viếng lúc mới chết, rồi cúng linh-hồn người chết mãi-mãi, theo tín-ngưỡng và tục-lệ.

— *chung* 蒸: tế về mùa đông; *thường* 嘗: tế về mùa thu. (Tế về mùa xuân là *từ* 祠; tế về mùa hạ là *được* 禴).

- 69 — *trí* 致: đưa đến; *phủ* 霽: giầu; *trí phủ*: làm giầu, như « Đào-Công trí phủ = thuật làm giầu của Đào-Công ».

- 71 — *ruột-rà*: cũng như ruột-thịt; anh-em rất thân; người thân trong họ, trong gia-đình.

— *chí-thân* 至親: rất thân.

- 74 — *phù* 浮: nổi; *vân* 雲: mây; *phù-vân*: mây nổi. Đức Khổng-Tử nói: « Làm điều bất nghĩa mà đượC giầu-sang, ta coi như mây nổi »; ngụ-

ý : tiền-của chóng tiêu-tán, như đám mây nổi chóng tan vậy ; nhất là khi tiền-của ấy lại do những điều làm thất-đức, độc-ác, mà có.

77 — *Khóc ma mướn* : xưa, ta có tục, khi có đám tang, thuê nhiều người khóc cho có vẻ thảm-thương ; vì vậy, có người làm nghề khóc mướn : người *hàng xóm khóc mướn* đám ma ấy, thật ra có *thương gì người chết* !

78 — *Hòm* : áo quan, quan tài, hậu-sự ; thường bằng gỗ, để đựng xác người chết mà chôn.

— *gỗ đa* : thứ gỗ nhẹ, xấu.

— *bó đóm* : vật-liệu để soi sáng rờ tiền nhất, sơ-sài nhất, làm bằng mấy mảnh tre khô, bó lại, mà đốt một đầu, còn đầu kia để cầm mà soi đường.

— *nội dục* : cánh đồng cao (tiếng cũ) ;

79 — *đồng chiêm* : cánh đồng thấp, để cấy lúa vụ thứ hai ; vụ lúa chính là vụ « mùa » ; cánh *đồng chiêm* vì thấp nên thường bị ngập nước, mỗi mùa chôn ở cánh đồng chiêm cũng bị ngâm dưới nước : điều này, tín-ngưỡng của ta rất kỵ, nên hết sức tránh cho người chết.

80 Nhưng, người trong cảnh, mặc dầu giàu-có, tiền-bạc nhiều đến có thể *cháy rông*, như nước, nhưng vì chết xa quê-hương, xa họ-hàng thân-thích, nên không ai sẵn-sóc đám tang cho ; những người *hàng xóm* họ chôn-cất rất sơ-sài, rồi bỏ mặc ; cô-hồn *ngần-ngơ* vì « lạ nước lạ

non » ở nơi *đông chiêm* xứ người, dù có muốn được một lần cúng thôi, một tuần hương thôi, hoặc một chút-xỉu, một giọt nước thôi, cũng không biết tìm vào đâu, vì không có người cúng cho !

69-80 Chúng tôi nghĩ đến bao nhiêu người, được tiêu-biểu bằng vai chủ-động Harpagon trong hài-kịch L'Avare của Molière, vai chính Grandet trong tiểu-thuyết Eugénie Grandet của Honoré de Balzac ; tiền-bạc châu-báu « mứt đờ đờ vách », mà ăn không dám ăn, mặc không dám mặc, chỉ sống một cuộc đời rất kham-khổ, khiến người bàng-quan có cảm-tưởng họ sinh ra để làm « thần giữ cửa » hộ thiên-hạ, rồi chết không nhắm được mắt, vì không mang được một đồng nào đi !

81 — *Quý* 貴 : sang-trọng, có địa-vị cao, có danh-vọng.

82 Ngày xưa, muốn có địa-vị cao, muốn có danh-vọng, thì chỉ có một cách là học cho giỏi, đỗ cho cao. Bởi vậy, người xếp câu chữ « *Quý* » mới phải tìm đến nơi thành-thị là nơi có hoàn-cảnh « văn-hiến » để mà tìm đường tiến thân.

83 Rồi, ở lại nơi thành-thị ấy mà học-hỏi với các bậc thầy nổi danh, mới có hy-vọng đậu cao, để thực-hiện mộng « *quý* ». Và phải xa quê-hương, vợ-con, mới học-hành được, nên có người mấy thu, nghĩa là mấy năm liền, không trở về quê-hương, *lìa cửa, lìa nhà* mà « dài-mài kinh-sử ».

- 84 Nhưng điều cốt nhất là phải giải vấn-đề mới mong thực-hiện được mộng chí làm bằng vàng. Còn như chưa tìm được tài vấn-đề của mình, đã chớ đến là tài vấn-đề ấy đã được mình đưa thành công, thì làm sao lại trở-đến 攷身, nghĩa là đem cả thân mình, cả tinh-mệnh mình (trí-mệnh 攷命 cũng đồng-nghĩa) vào việc thực-hiện mộng công-danh như vậy?
- 89 — Phân 芬 : cây cũng loài với cây bưởi ; 芬 芬 : cây thị (có người cho là cây mít). Hai thứ cây này, các nhà quế hay trồng, nên phân-từ tượng-trung cho quế nhà, cho cổ-hương ; người ta thường nói « phân-hương tả-lý ».
- 90 Bối tha-ma ; nghĩa-địa nơi tha-hương. Danh-từ « tha-ma », chúng tôi không tìm thấy trong các tự và từ-điền Hoa-ngữ. Chúng tôi nêu lên một giả-thuyết : Cụ Nguyễn Du đã ghép hai tiếng tha 他, = của người khác, và ma 麼 = hữu người chết, thành danh-từ bối tha-ma để chỉ nghĩa-địa ở tha-hương ; có lẽ tha-ma, hiểu là nghĩa-địa, ở điền-cổ này mà ra.
- 81-92 Ngày xưa trong thời Hán-học thịnh-hành, các cụ thường phải ra kinh-đô để học-tập ; những người tài-học kì-lạ, trí-đức kiêm-toàn, như cụ Nguyễn Đình-Châu (1822-1899), sau khi đậu Tá-tập ở trường Gia-Định (1834), phải ra tận

Huê là kinh-đô đờ sửa-soạn thi Hội, rồi trong khi mầy thu lìa cửa lìa nhà, lại nghe tin mẹ mất (1848), nên buồn mà sinh bệnh, rồi khóc nhiều quá mới thành ra mù cả hai mắt ! Cụ liền về nhà chịu tang mẹ, bỏ hẳn mộng công-hầu, đờ trở thành một thi-sĩ trư-danh.

Chúng tôi nghĩ đờ, trong thời Pháp-học thịnh-hành, biết bao thanh-niên Việt-Nam, ôm mộng công-danh, đờ tìm đờ mọi cách đờ sang đờ Paris, thủ-đờ ánh-sáng, với quyêt-tâm giết cho kỹ đờ một bầy-cấp cơ-nhân hay tiên-đi nào đờ, đờ « vinh-quy », nờ mầy nờ mặt với xê-sê, bà-con, đờng-bào. Nào ngờ, khi-hậu ở bên kỹ lộn quá, mà ần không đờ no, mặ không đờ ần, lại phải lao-lực đờ sinh-như, nên sanh đau đờ, không người săn-sóc, ánh-sáng vinh-quang chưa kịp lóe, mà đờ lóe ánh-sáng của lưỡi hái Tờ-thần !

Nếu biết hường hạnh-phúc của một cuộc đời giản-dị, với tình thương bao-la của cha mẹ chắt-phác, của anh chị em mệ-mạc, trong gia-đình đờm-ần, nơi quê-hương tẻh-mệh, thì đâu đờ nỏi ! Nhưng, lại bị ánh-sáng văn-minh của thành-thị hấp-dẫn, như lửa đờ hấp-dẫn thiêu-thân, nên mới tự đờy-đờa mình sang nơi « góc bể bên trời, nắng mwa thui-thúi quê người một thân » (Kiêu, 899-900), làm mồi cho vi-trùng phũ-lao đờc rửa, cho đờn phút đờc mầy người đờng-bang thương hại, mua cho cái « ãm gỗ đờ »

và « *bó đóm đưa đêm* » cô-hồn đến nghĩa-địa La Chaise, làm ma đói ngàn đời nơi quê người đất khách !

- 96 — *kình 鯨* : cá voi đực ; *ngê 鯨* : cá voi cái.
- 98 — *chín đạn* : Khi mới gánh thì đòn gánh đề lên vai làm máu tụ *tím bầm* lại ; gánh lâu nữa thì chỗ tím bầm ấy thành *chai* ; lại lâu nữa thì chai ấy dầy lên mà nứt ra nhiều đường, thành *chín đạn*. Câu này chứng-minh bút-pháp Nguyễn Du gọi hình hơn cả hội-họa !
- 103 — *Nước khe* : nước vớt ở các khe núi có dòng suối chảy mà uống ; *cơm vắt* : cơm nắm ; cơm nóng, bọc trong khăn vải hoặc mo cau, *vắt đi vắt* lại nhiều lần cho nắm cơm thật nhuyễn và thật chắc ; rồi, *vắt* ngang lưng mà mang đi, để ăn đường khi không tiện thổi-nấu ; mỗi khẩu phần cơm này cũng gọi là một *vắt*.
- 104 Xưa, người dân có khi phải đi *lính thú* ở mạn ngược xa-xôi, lâu lắm không được về.
- 107 — *ma-trơi* (đường viết *ma chơi*) : tại các búi khe-ma, thỉnh-thoảng có chất khí có lân-tính bốc cháy ; người ta cho là hồn người chết biểu-hiện, nên gọi là *ma-trơi*. Trong bài « Văn-tổ trận-vong Trương-sĩ », của Tiên-quân Nguyễn Văn-Thành, có câu :  
« Hồn chiến-sĩ biết đâu miễn minh-mạc, mịt-mù gió lốc, thổi dẫu tha-hương ;

« Một chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan, lập-lòe  
*thả-trơi*, soi chừng cũ-độ ».

Người ta cũng cho « gió lốc », tức « con trốt »,  
là sự biểu-hiện của oan-hồn, như *ma-trơi* vậy.

114 Khi người ta cúng cô-hồn, người ta lấy lá *đu*  
mà nước cháo vẩy ra bốn phía cho cô-hồn hưởng-  
lộ ; cô-hồn húp cháo đựng trong lá *đu* quấn lại  
làm bát, mỗi lần húp là một *hớp* cháo lá *đu*.  
Người ta còn gọi lễ chiêu hồn là lễ *cúng cháo*.

100-116 — Chúng tôi nghĩ đến biết bao người, « nổi danh  
lại-ác một thì » (Kiêu, 63) ; xưa, thì ngày đêm,  
vương-tôn quý-khách, sáng đưa chiếu đón ; mà  
nay, người thì đã chết đói dưới gầm cầu ; người  
thì chỉ còn tằm thân tàn ma dại, sống leo-lắt trong  
một động phủ-dung ; hoặc mang thân tàn-phế  
tùng-tật để ngày đêm hồi-tưởng lại — mà không  
biết có hồi-hận không ? — những ngày chỉ một  
khóe hạnh, một nét ngài của mình, cũng đủ tàn-  
phá hạnh-phúc của biết bao gia-đình đang êm-  
lạ đoan-tự !

118 — *hành khất* 行乞 : đi ăn xin.

120 — *hàng xá* : người thiên-hạ ; *đường quan* :  
đường lớn nối liền các đô-thị.

121-122 — *chiều xác* : chiếu rách xơ-xác, người ta dùng  
để *quấn* lấy thầy kẻ tử rạc — tử bị đánh-đập,  
lâm-lụng vất-vả, nên thân-hình tiêu-tụy — mà  
chôn, mỗi khi có kẻ bị bỏ mạng trên đường tù-  
đày, lao-công vất-vả.

- 123 — chôn giếp : bỏ thây người chết xuống hồ, rồi lấy đất, cành cây, bịt kín thứ gì thấy được tại chỗ, mà lấp hồ cho bằng với mặt đất.
- 131 — gieo giống : tự-từ bằng cách gieo mình xuống giếng mà chết ; thắt dây : tự-từ bằng cách lấy dây thắt chung-quanh cổ cho ngạt thở mà chết.
- 136 — sa-sầy : bị băng thối mà chết ; khỗn-thương : bị đâm, chém rách da thịt hoặc đánh vỡ đầu mà chết.
- 138 *Nại-hà* 奈河 Tên con sông. Nơi đây thuộc khu-vực địa-ngục. Địa-ngục (*Naraka*), Trung-Hoa phiên-âm là *Nại-lạc-ca* (奈落界).  
Con sông phát-xuất từ khu vực này và có cây cầu bắc qua, nên gọi là cầu *Nại-hà*.  
Xưa kia, Đổng-Quan chết, hồn đến một con sông rộng không đũa vài thước, nước chảy về phía Đông-nam, tục gọi là sông *Nại-hà* 奈河, nguồn từ địa-ngục chảy ra. Đổng-Quan nhìn thấy toàn là huyết, mũi tanh hôi không thể chịu được.
- 153-155 Cảnh rừng-rợn này cũng đã được nhạc-sư Pháp-quốc Saint Saëns tả bằng âm-thanh trong nhạc phẩm « Danse macabre ».
- 157,160 — siêu-sinh tịnh-độ 超生淨土 : theo lý nhà Phật, hễ bản thân tu-hành, rửa sạch trần-chướng, thì được siêu-thoát trần-thế, mà vào cõi thanh-tịnh an-lạc của chư Phật.

— Ráp : sắp-sửa muốn thực-hiện một việc gì ;  
Liều mình ông ráp gieo đũa tương với.

(Kiều, 666).

Ráp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không.

(Kiều, 1910).

— Tứ 卍 : bốn ; hải 海 : bể ; người xưa cho rằng bốn mặt chung-quanh đất là bể cả, nên từ hải hay bốn bể là tất cả mọi nơi trên mặt đất ta ở.

— Quấn 羈 hợp lại ; chu = châu 洲 : đất liền ; tất cả các đất liền hợp lại, tức là toàn-thế mặt đất ta ở.

Ý các câu 157-160 nói Đức Phật số dùng Pháp mầu của Ngài, chiếu ánh sáng thiền-thiền văn tỏa ra chung-quanh Ngài rọi-rỡ (hào 耀 : long dài và nhọn ; quang 光 : ánh sáng ; hào-quang : ánh sáng tỏa ra từ phía như long dài và nhọn tua-tủa ra chung-quanh) để gây hòa-khí ở khắp bốn bể năm châu, làm cho đâu đâu cũng sung-sướng ; những sự náo-phân, nghĩa là buồn lo, được trừ-khử đi hết, như ta trải hết, hết thật sạch, lớp bụi dơ bảm chung-quanh người ta vậy ; những oán, thù kết thành nỗi uế-hận, nỗi ghen-ghét nặng chũu trong tâm-hồn, cũng được tiêu-diệt đi hết, như bụi dơ được một dòng nước trong cuốn đi hết, rửa thật sạch, không còn mảy may nào sót lại.

- 161 — *Thần* 神 : khí thiêng-liêng biến-hóa vô-cùng ;  
*thông* 通 : chuyển suốt mọi nơi, không có gì  
ngăn cản cả ; *quảng* 廣 : rộng ; *đại* 大 : lớn ;  
*thần-thông quảng-đại* là tinh sáng-suối thiên-  
nhiên, tỏa ra khắp mọi nơi, biến-hóa vô-cùng,  
lớn-lao vô-cùng, kỳ-diệu không thể tưởng-tượng  
được, của Đức Phật.
- 162 — *Chuyển* 轉 : làm cho lăn đi ; *Pháp* 法 : đạo-  
lý nhà Phật ; *luân* 輪 : bánh xe ; *đạo Phật*  
thường gọi là *Pháp-luân* ; *Phật thuyết pháp*  
thường gọi là *chuyển Pháp-luân*, lăn bánh xe  
giáo-pháp.
- *sam giới* 三界 : ba cõi. Phật-giáo chia thế-  
gian vô-thường thành ba cõi là dục-giới, sắc-giới  
và vô sắc-giới.
- *thập phương* 十方 : mười phương của  
Phật-giáo, là : Đông ; Tây ; Nam ; Bắc ; Đông-  
Nam ; Tây-Nam ; Đông-Bắc ; Tây-Bắc ; Thượng ;  
Hạ.
- Người ta thường nói « 9 phương trời, 10 phương  
chư Phật », ngụ ý Phật còn hơn Trời một  
phương.
- 163 — *Nhơn-nhơn* : Tiêu-Diện Đại-Vương có vẻ hồn-  
nhiên tự-tại.
- *Tiêu-Diện Đại-Vương* : tên riêng một vị thần.

- 164 — *Linh-hý* 靈 慧 : cò thiêng.
- 165 — *Uy* 威 : tôn-nghiêm ; *linh* 靈 : thiêng-liêng ; *dồng* 同 : có sức khỏe ; *mãnh* 猛 : dữ-dội ; *uy-linh* : thiêng-liêng một cách nghiêm-chính, khiến người-người phải kính-trọng ; *dồng-mãnh* : mạnh-mẽ với sức-lực dồi-dào.
- 169 — *Phủ* 浮 : nổi trên mặt nước, như bọt nước, nổi lên rồi tan ngay ; nghĩa bóng : hư-không ; *sinh* 生 : đời sống ; *phủ-sinh* : đời sống chóng tàn.
- *hình* 影 : cái bày ra bề ngoài ; *ảnh* 影 : cái bóng ; như hình như ảnh ; chỉ như cái bày ra bề ngoài, cái bóng mà thôi, không có thật.
- 170 — *Vạn* 萬 : 10.000 ; tất cả ; vạn quốc ; cảnh *đầu* 頭 : sự-vật bày ra trước mắt ta ; *giác* 覺 : đều cả ; *không* 空 : không có thực ; *vạn cảnh giác không* : tất cả cái gì ta nhìn thấy, bày ra trước mắt ta, đều không có thực cả, đều là giả cả, đều là ảo-ảnh cả.
- 171 — *Ái ái lấy Phật làm lòng* : Tất cả chúng-sinh hãy khơi mở Phật-tính nơi tâm mình và nghĩ, nói, làm đúng chân-tính-thần giác-ngộ.
- 172 — *Nếu lấy Phật làm lòng như thế*, thì sẽ được đặt lên trên (siêu) và ra ngoài vòng (thoát) của sự *luán-hối* ; nghĩa đen là : sự bành xe (luán) lăn trở lại (hối) ; nghĩa bóng là : sự sinh sinh hóa hóa, sống rồi chết, chết rồi lại sống dưới

hình thức một kiếp khác, cứ thế mà sống rồi chết, chết rồi lại sống, luôn luôn như cái bánh xe lăn đi, hết vòng ấy, đến vòng khác, không bao giờ ngừng lại được ; *siêu-thoát* được khỏi phải ở trong vòng *luân-hồi*, tức là không phải sống đi chết lại mãi mãi nữa, được hoàn-toàn hạnh-phúc.

173 — *Chần' 振* : cứu giúp ; *tễ 濟* : cứu giúp ; *chần-tễ* : lấy tiền-của mà cứu giúp người bị tai-nạn.

— *Phật giáo* : Phật dạy.

176 — *Thăng 升* : lên ; *thiên 天* : trời ; *thăng thiên* : lên trời, lên cõi sung-sướng hơn cõi này.

178 — *Duyên 緣* : có để liên-lạc ; *của làm duyên* : của phát cho linh-hồn chúng-sinh để lấy có mà liên-lạc với linh-hồn chúng-sinh.

180 — *Tôn-Giả* : là những vị tu-hành đặc-đạo ; trí, đức đầy-đủ, được đời tôn-kính. *Tôn-Giả* đây là chỉ vào ngài *Át-nan*, là vị thiết-lập lễ thí-thực lúc ban sơ.

181 — *Hữu-tình 有情* : có tình, có lòng thương tất cả chúng-sinh.

— *Từ 慈* : lòng thương của người trên đối với người dưới ; *bi 悲* : thương-xót ; *từ-bi* : lòng thương xót của người trên đối với kẻ dưới, của

Phật đối với chúng-sinh. Theo đạo Phật, từ là ban vui, bi là cứu khổ (từ năng dữ lạc, bi năng bạt khổ).

— *Phồ* 普 : rộng, khắp ; *độ* 度 : cứu-giúp ; *phồ-độ* : cứu-giúp tất cả mọi người.

182 — *Có có chăng chăng* : Có có chẳng chẳng, tức là có có không không ; *chẳng* là không ; vì trong câu thơ, tiếng thứ 7 phải là tiếng bằng, nên *chẳng* được đổi thành *chăng* ; tiếng thứ 6 cũng là tiếng *chẳng* nên cũng được đổi là *chăng* ; phép làm thơ cho phép đổi một tiếng trắc ra tiếng bằng, như *đã* thành *đà* ; hoặc một tiếng bằng ra tiếng trắc, như *bằng* thành *bắng*. Luật thơ ngôn-ngữ này cũng có sự rộng-rãi cho thi-nhân như vậy, Pháp-ngữ gọi là « licence poétique ».

183 — *Nam-mô*, dịch âm tiếng Phạn « *namah* » nghĩa là : chấp tay cúi đầu ; hoặc : cung-kính thỉnh nguyện ; hoặc : xin theo tín-nghĩa.

— *Phật, Pháp, Tăng* là « tam bảo » :

1° *Phật* 佛 là người đại giác-ngộ ;

2° *Pháp* 法 là các phép-tắc Phật dạy ;

3° *Tăng* 僧 là những người theo giáo-pháp của Phật tu-hành và giáo-hóa chúng-sinh.

184 — *nhất-thiết* 一切 : tất cả ; hết thảy.

**BÀI CHIẾU HỒN THẬP LOẠI CHÚNG-SINH.**  
SINH này gồm ba phần rõ-rệt :

**Phần I.** — *Từ dương-thế đến âm-phủ, gồm 3 đoạn :*

- (1-8) 1° Cảnh đầu thu tròn dương-thế ;
- (9-16) 2° Cảnh có-hồn dưới âm-phủ ;
- (17-20) 3° Kêu gọi Thập Loại Chúng-Sinh lại dự đàn giải-thoát.

**Phần II.** — *Chiếu hồn Thập Loại Chúng-Sinh, gồm 16 đoạn :*

- (21-32) 1° Những kẻ « tính đường kiêu hãnh » ;
- (33-44) 2° Những kẻ « mồm lâu trướng huệ » ;
- (45-56) 3° Những kẻ « lân-đãi phụng-cáo » ;
- (57-68) 4° Những kẻ « bãi binh bĩ trận » ;
- (69-80) 5° Những kẻ « tính đường tri-phủ » ;
- (81-92) 6° Những kẻ « rập cầu chữ Quý » ;
- (93-96) 7° Những kẻ « vào sông ra bể » ;
- (97-100) 8° Những kẻ « đi về buôn bán » ;
- (101-108) 9° Những kẻ « mồm vào khóa lính » ;
- (109-116) 10° Những kẻ « buôn nguyệt bán hoa » ;
- (117-120) 11° Những kẻ « hành-khất ngược xuôi » ;
- (121-124) 12° Những kẻ « mồm đoàn tù rạc » ;
- (125-128) 13° Những trẻ hữu sinh vô đường :

- (129-136) 14° Những kẻ « bắt đê ký từ » bằng  
nhiều cách khác nhau ;
- (137-148) 15° Có-hồn lạc-lãng ở khắp mọi nơi ;
- (149-156) 16° Gọi các cô-hồn đang sống một cách rất  
thâm-thương « lại mà nghe kinh ».

Phần III. — *Khuyến các cô-hồn nên nhờ Phật-giải-  
oan cứu-khê cho, gồm 2 đoạn :*

- (157-168) 1° Phốp Phật mỗu-nhiệm ; các cô-hồn  
hãy lại đân giải-thoát mà nghe kinh ;
- (169-184) 2° Kêu gọi các cô-hồn hãy tin-tưởng vào  
phốp Phật mỗu-nhiệm sẽ giải-thoát  
cho họ.



Tác-giả đê-nhiết danh-thư « Đoạn-Trường Tân-  
Thanh » của chúng ta, đê trước-tác bài « Chiêu-hồn  
Thập Loại Chúng-Sinh » này vào năm nào, và nhân dịp  
nào ? Không có văn-liệu nào soi sáng cho chúng ta  
điêm này.

Nhà văn TRẦN THANH-MẠI, trong một bài diên-  
thuyết về bài « Chiêu hồn » này, đê đưng trong « Đông-  
Đương Tuân-Báo », năm 1939, cho rằng Nguyễn Du đê  
trước-tác bài này sau một mùa dịch khùng-khấp, làm  
hàng triệu người chết, khiến khắp non-sông đê nước  
Am-khí nặng-nề, và ở khắp các chùa, người ta đêu lập  
đân giải-thoát, đê cầu siêu cho hàng triệu cô-hồn.

Nhà học-giá PHAN VĂN-HÙNG đã viết bài thảo-luận về vấn-đề này với nhà văn họ Trần, cũng đứng trên « Đông-Dương Tuân-Báo ». Học-giá họ Phan cho rằng Nguyễn Du đã viết bài này vì ông thành-tâm tín-gưỡng Phật-giáo, phái Tiều-thừa.

Giáo-sư PHẠM VĂN-DIÊU, trong một nghiên-cứu công-phu về bài « Chiêu hồn » này, đứng trong « Văn-Hóa nguyệt-san », các số 54, 55, 56, cho rằng bài « Chiêu hồn » này phải là bức gương phản-chiếu tất cả kinh-nghiệm bản-thân của tác-giá, suốt thời kỳ Lê-mạt, Nguyễn-sơ, là thời kỳ loạn-ly, trong ấy đã diễn ra thật-sự trong xã-hội ta, tất cả những cảnh thê-thảm mà tác-giá đã cực-tả trong áng văn bất-hủ.

Chúng tôi là người, từ lúc bắt đầu hiểu-biết, đã phải mục-kích hàng ngày cái nhục của kẻ sống đời nô-lệ, vì tổ-quốc đã bị ngoại-nhân thôn-tính và thống-trị ; đã kinh-nghiệm gián-tiếp đến bản-thân hai cuộc thê-chiến vĩ-đại 1914-18 và 1939-45 ; đã kinh-nghiệm trực-tiếp đến bản-thân một cuộc nội-chiến kéo dài gần một phần tư thế-kỷ này rồi, và hiện nay vẫn còn đang tiếp-diễn ; đã mục-kích trước mắt công-việc của Tử-thần và các Quan Ôn, qua mấy mùa dịch-tả và dịch-hạch ; đã chính mắt chụp hình, từ bình-minh đến hoàng-hôn, những thảm-cảnh và bi-kịch liên-tiếp xảy ra chung-quanh mình, trong mùa đói-rừng-rợn năm 1945, làm 2 triệu người Việt-Nam, đã chết đói, và quốc-gia Việt-Nam, tuy không dự vào Thế-Chiến II, mà cũng đứng vào hàng đầu các quốc-gia đã phải hy-sinh xương máu của dân-tộc nhiều nhất cho mộng bá-chủ hoàn-cầu của

những kẻ tham-tàn, độc-ác, dã-man hơn cả ác-thú trong rừng-già, nhưng « lợc lại bất tông tâm » ; đã mục-kích cái *kiêu-hãnh* của những kẻ đã cắt *gánh non sông*, khiến đất nước phải phân-qua, hàng triệu người phải *lìa cửa lìa nhà*, những kẻ vì cho mình là *Quần, Nhạc, Y, Chu* mà làm cho đã từ 20 năm rồi, dân-tộc phải *máu tươi lai-láng, xương khô rụng-rời*, mà hiện nay, vẫn chưa biết sẽ đi về đâu ; dù như thấy tận mắt, khi *thay đổi sơn-hà*, biết bao « ngọc diệp kim chi » đã phải thất-thân với « *giống hôi-tanh* » (Kiều, 353) : đã sống hằng ngày với những người *dãi thây trăm họ làm công một người* ; đã giao-du với bao kẻ *tính đường trí-phú, nhện ngủ quên ăn* để xây được lầu cao cửa rộng, gửi được bạc triệu trong nhà băng, nhưng bây giờ thì thịt nát xương tán dưới mồ cỏ ấy, trong khi ấy, trên trùn-thế « *ruộng người cấy, ngựa người nuôi, con người mắng-mò, vợ người yêu-đương* ». (Trang-Tử Cb-Bổn) ; vâng, chúng tôi cũng đã được kinh-nghiệm trực-tiếp, vào chính bản-thân, tất-ổả « *những điều trông thấy mà đau-đớn lòng* » (Kiều, 4) mà Nguyễn Du đã *cực-tả* trong bài « *Chiêu-hồn* » này, nên chúng tôi tin rằng quan-niệm của giáo-sư PHẠM VĂN-DIÊU rất đúng ; nhưng, kinh-nghiệm sống của Nguyễn Du về thời loạn-ly, cũng có thể đã được tác-giả lợi-dụng để làm sáng tỏ thêm tín-ngưỡng tôn-giáo của ông, đúng như học-giả PHAN VĂN-HÙNG đã quan-niệm ; và cũng có thể, đúng như nhà văn TRẦN THANH-MẠI đã quan-niệm, nhân một mùa dịch kinh-khủng khiến non nửa dân-số đã bị Quan Ôn « *bất linh* » ; khắp nước, tiếng

chuông chùa làm lễ cầu-siêu ngàn dài như tiếng vọng của Âm-ty, mà tác-giả, hằng ngày đi dự các lễ cầu-siêu ấy, không được nghe một bài « Chiêu-hồn » nào khả dĩ cảm-động được lòng người, mới viết ra áng văn tuyệt-tác này để người ta đọc tại các chùa khi làm lễ cầu-siêu cho thập loại chúng-sinh. Nhờ thế, mà, như chính giáo-sư Phạm Văn-Điều đã nhận-định, « nhờ ở sự thông-dụng ấy mà văn truyền-tụng sâu rộng. Bởi vậy thời gian qua đã xếp dành cho Chiêu-hồn-ca một chỗ ngồi xứng-đáng, chắc-chắn, và rõ-rệt ».

Và, chúng tôi cũng nghĩ như giáo-sư PHẠM VĂN-ĐIỀU : « Thời-gian đã công-bình ».



Bài *Chiêu hồn Thập Loại Chúng-Sinh* này, cũng như *Đoạn-Trường Tân-Thanh* của Nguyễn Du, đã bị « tam sao thất bản » ở rất nhiều chỗ.

Chúng tôi đã nghiên-cứu thật kỹ bút-pháp của Nguyễn Du, và dựa vào những bút-pháp đặc-biệt của tác-giả, mà hiệu-chính. Đây là một văn-đề phải trình-bày rất dài, nên chúng tôi không thể đề-cập đến ở đây được. Chúng tôi sẽ đề-cập đến trong nghiên-cứu của chúng tôi về « *Bút-pháp Nguyễn Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh* », sẽ xuất-bản trong *Nam Chi Tùng-Thư*, thành nhiều quyển.





**KIM LAI ÁN-QUÁN**

Kiểm- duyệt số 4483

BTC/BC 3/XB — 13-11-65



KIM LAI AN-QUAN

50\$